

**BIỂU TỔNG HỢP**

Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án:  
Hầm đường bộ Hoàng Liên kết nối thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai với huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu (Đợt 6)

(Kèm theo Quyết định số: 390/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 của Chủ tịch UBND xã Bình Lư)

STT	Tên chủ hộ và danh mục bồi thường, hỗ trợ	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
A	<b>Tổng mức BT, HT&amp;TDC phải chi trả</b>					<b>365.238.218</b>
	<b>Trong đó:</b>					
I	<b>Chi trả cho chủ sử dụng đất, tài sản trên đất</b>					<b>365.238.218</b>
1	Bồi thường về đất					15.522.400
2	Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc					292.109.796
3	Bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu, vật nuôi, vật nuôi					11.038.822
4	Chính sách hỗ trợ					46.567.200
B	<b>Chi tiết chi trả cho chủ sử dụng đất, tài sản trên đất</b>					
1	<b>Bà: Nguyễn Như Quỳnh</b>					
-	<b>Số CCCD:</b> 030185006213 ngày cấp 17/2/2025					
-	<b>Địa chỉ:</b> Bản Chu Va 12, xã Bình Lư, tỉnh Lai Châu					
-	<b>Địa chỉ thửa đất:</b> Bản Chu Va 12 xã Bình Lư, tỉnh Lai Châu					

STT	Tên chủ hộ và danh mục bồi thường, hỗ trợ	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	<b>Nguồn gốc đất:</b> <b>- Theo bản đồ thu hồi:</b> + Một phần thửa đất số 5 tờ bản đồ số 235 (thu hồi bổ sung đường công vụ), diện tích thu hồi là 3880,6m <sup>2</sup> , loại đất rừng phòng hộ, quy chủ cho bà Nguyễn Như Quỳnh, địa chỉ bản Chu Va 12, xã Bình Lư, tỉnh Lai Châu. - <b>Theo hồ sơ địa chính:</b> Phần diện tích thu hồi đang thuộc một phần thửa đất số 100 tờ bản đồ số 4 đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số cấp số CS01021, số phát hành CX442597 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu cấp ngày 24/6/2021, diện tích 222.300,3m <sup>2</sup> , loại đất rừng phòng hộ. Chủ sử dụng bà Nguyễn Như Quỳnh thường trú tại bản Chu Va 12, xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu (nay là bản Chu Va 12, xã Bình Lư, tỉnh Lai Châu)					
-	<b>Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (=a+b+c+d)</b>					<b>365.238.218</b>
<b>a</b>	<b>Bồi thường về đất</b>			<b>3.880,6</b>		<b>15.522.400</b>
	Đất rừng phòng hộ	Một phần thửa đất số 5 tờ bản đồ số 235	m <sup>2</sup>	3.880,6	4.000	15.522.400
<b>b</b>	<b>Bồi thường, hỗ trợ về tài sản vật kiến trúc</b>					<b>292.109.796</b>
	Hàng rào lưới thép B40 cột bằng tre, gỗ	8*1,5	m <sup>2</sup>	12,0	138.160	1.657.920
	Hàng rào dây thép gai cột bằng tre, gỗ		md	393,0	20.680	8.127.240
	Đào, đắp đất bằng thủ công	Hào đào: Bên trái đường (393*2,1*1) Bên phải đường (321*0,9*1,6)	m <sup>3</sup>	1.287,5	113.850	146.586.429
	Téc nước		Cái	1,0	689.700	689.700
	Chi phí hỗ trợ lắp đặt dây điện khoảng cách > 50m	393 mét	m	393,0	5.500	2.161.500
	Chi phí di chuyển cột đối với đường dây điện mắc trên cột thép, cột BTCT		cột	10,0	481.470	4.814.700
	Hỗ trợ Đào san đất các loại bằng máy trong phạm vi <=50m	393*5,5*1,5 (Thuộc phần đường) (Căn cứ Khoản C, Khoản 6 Điều 17 Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/09/2024 của UBND tỉnh Lai Châu, hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường)	m <sup>3</sup>	3.242,3	15.180	24.608.678
	Hỗ trợ Vận chuyển với cự li <= 1km	393*5,5*1,5 (Thuộc phần đường) (Căn cứ Khoản C, Khoản 6 Điều 17 Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/09/2024 của UBND tỉnh Lai Châu, hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường)	m <sup>3</sup>	3.242,3	10.560	17.119.080

STT	Tên chủ hộ và danh mục bồi thường, hỗ trợ	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Đường cấp phối (Cấp phối đá dăm loại 2)	(Cấp phối đá dăm thuộc phần đường: 393*0,18*4,55) Theo báo giá số 679/CB-SXD ngày 09/02/2026 của Sở xây dựng	m3	321,87	200.000	64.373.400
	Hỗ trợ Nhà khung cột thép, mái lợp tôn chống nóng nhà, chiều cao đến xà ngang mái >= 2,6 m	(6*2,6*4) (Căn cứ Khoản C, Khoản 6 Điều 17 Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/09/2024 của UBND tỉnh Lai Châu, hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường)	m2	62,4	704.204	21.971.149
<b>c</b>	<b>Bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu, vật nuôi, vật nuôi</b>					<b>11.038.822</b>
	Cây Thông lấy gỗ chu vi 0,7m, chiều cao vút ngọn 9m (1 cây); Thông lấy gỗ chu vi 1,7m, chiều cao vút ngọn 11m (1 cây)	Trữ lượng gỗ: 0,713m3	m3	0,713	750.000	534.750
		Trữ lượng củi: 0,584m3	m3	0,584	233.000	136.072
	Cây đào cho thu hoạch năm 1	12 cây trồng từ năm 2022: 12 cây * 7,5kg/cây*16 năm chu kỳ thu hoạch còn lại	kg	1.440,0	7.200	10.368.000
<b>d</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>					<b>46.567.200</b>
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất nông nghiệp bị thu hồi		m2	3.880,6	12.000	46.567.200